

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mâm;

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quốc A, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị U, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn anh Lê Quốc A trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông Quốc A và bà U kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 01 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, đời sống chung không đạt

được hạnh phúc, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên ông Lê Quốc A xin được ly hôn với bà Trần Thị U.

- Về con chung: Có 03 người con tên Lê Hải Đ, sinh ngày 01/10/2011 (nam), Lê Nhã Q, sinh ngày 03/8/2014 (nữ) và Lê Quốc Th, sinh ngày 26/04/2018 (nam), hiện các con sống chung với anh Quốc A. Khi ly hôn anh Quốc A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 người con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Trần Thị U:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà chị U không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của anh Quốc A. Đồng thời, Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng chị U vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Lê Quốc A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn chị Trần Thị U Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với chị U, nhưng chị U vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị U.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh Quốc A và chị U kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2013 theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 18 tháng 3 năm 2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của anh Quốc A và chị U được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Xét thấy, anh Quốc A xin ly hôn với chị U là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm

2022 cho đến nay. Về phía chị U đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng chị U vẫn vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của anh Quốc A, từ đó cho thấy chị U cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa chị U với anh Quốc A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Quốc A và chị U đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quốc A. Anh Quốc A được ly hôn với chị U theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Anh Quốc A xác định có 03 người con tên Lê Hải Đ, sinh ngày 01/10/2011 (nam), Lê Nhã Q, sinh ngày 03/8/2014 (nữ) và Lê Quốc Th, sinh ngày 26/04/2018 (nam), hiện các con đang sống chung với anh Quốc A. Khi ly hôn anh Quốc A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 03 người con. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Lê Hải Đ và cháu Lê Nhã Q thì cháu Đ và cháu Q có nguyện vọng muốn sống chung với cha nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 01/10/2011 (nam), Lê Nhã Q, sinh ngày 03/8/2014 (nữ) cho anh Quốc A có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc. Đối với cháu Lê Quốc Th chưa đủ 07 tuổi nên Tòa án không làm việc với cháu nhưng từ khi anh Quốc A và chị U sống ly thân thì cháu Th vẫn sống chung với anh Quốc A, cuộc sống của cháu Th đã được ổn định nên chấp nhận yêu cầu của anh Quốc A và giao cho anh Quốc A chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th.

Chị U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên anh Quốc A phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Quốc A. Anh Lê Quốc A được ly hôn với chị Trần Thị U.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Lê Quốc A nuôi dưỡng và chăm sóc 03 người con tên Lê Hải Đ, sinh ngày 01/10/2011 (nam), Lê Nhã Q, sinh ngày 03/8/2014 (nữ) và Lê Quốc Th, sinh ngày 26/04/2018 (nam).

Chị U không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, anh Quốc A phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, anh Quốc A có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008188 ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đất Mới, huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo